

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 324/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019
Ha Noi, 30 July 2019**CÔNG BỐ THÔNG TIN**
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**ANNOUNCEMENT**
AFTER EXCHANGE TRADINGKính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUSSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 29/07/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.300	4,2%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	80	0,5%
4	CII	260	0,4%
5	CTD	60	0,5%
6	CTG	440	0,7%
7	DHG	50	0,4%
8	DPM	230	0,3%
9	DXG	390	0,5%
10	EIB	1.560	2,1%
11	FLC	850	0,3%
12	FPT	800	3,0%
13	GAS	140	1,2%
14	GEX	450	0,8%
15	GMD	370	0,8%
16	HBC	230	0,3%
17	HCM	230	0,4%

*Handwritten signature*

18	HDB	1.030	2,1%
19	HPG	2.480	4,3%
20	HSG	340	0,2%
21	KBC	520	0,6%
22	MBB	1.890	3,3%
23	MSN	690	4,3%
24	MWG	440	3,6%
25	NLG	190	0,4%
26	NVL	480	2,2%
27	PDR	150	0,3%
28	PLX	120	0,6%
29	PNJ	260	1,6%
30	PVD	300	0,4%
31	PVS	300	0,5%
32	REE	250	0,6%
33	ROS	250	0,5%
34	SAB	100	2,2%
35	SBT	390	0,5%
36	SHB	1.500	0,8%
37	SSI	450	0,9%
38	STB	2.570	2,2%
39	TCB	3.360	5,4%
40	TCH	290	0,5%
41	VCB	440	2,7%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,6%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.250	8,5%
46	VIC	1.160	11,0%
47	VJC	400	4,1%
48	VNM	950	9,2%
49	VPB	2.570	3,7%
50	VRE	1.570	4,5%
II	Tiền/Cash	7.967.582 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.283.746.400 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.291.713.982 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 7.967.582 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	85.400	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	24.400	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	78.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	23.400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	21.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	EIB	17.650	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	FPT	48.800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	GMD	26.650	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MBB	22.350	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	MWG	106.700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	NLG	29.850	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	PNJ	78.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	REE	32.750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	TCB	20.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
15	VCG	26.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
16	VPB	18.750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (29/07/2019)	Kỳ trước/Last Period (26/07/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13.600.000	13.600.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.950	13.050	-100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	175.673.101.636	176.320.396.335	-647.294.699
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1.291.713.982	1.296.473.502	-4.759.520
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	12.917,13	12.964,73	-47,60
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.464,23	1.464,74	-0,51



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC